

Số: 24 /2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2015.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Cạnh tranh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng Cạnh tranh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (3b).Q.Đ.Đ.Đ

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2015/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng Cạnh tranh, Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH

Điều 3. Tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh

1. Hội đồng Cạnh tranh được tổ chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 07/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Cạnh tranh.

2. Thành viên Hội đồng Cạnh tranh làm việc kiêm nhiệm hoặc chuyên trách theo quyết định bổ nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hội đồng Cạnh tranh có không quá ba Phó Chủ tịch.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

2. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng Cạnh tranh và phê duyệt chương trình công tác hàng năm của Hội đồng Cạnh tranh.

3. Quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh để xử lý các vụ việc cạnh tranh cụ thể.

4. Quyết định thay đổi Chủ tọa Phiên điều trần, các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc, Thư ký Phiên điều trần, người giám định, người phiên dịch theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn hành chính theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

7. Cử đại diện của Hội đồng Cạnh tranh tham gia tổ tụng hành chính liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng Cạnh tranh.

8. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chế độ làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm các thành viên Hội đồng Cạnh tranh.

9. Giải quyết các vấn đề còn ý kiến khác nhau giữa các Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh

1. Các Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh giúp Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh phụ trách lĩnh vực cụ thể theo phân công của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Tổ chức các công việc trong lĩnh vực được phân công; báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh các nội dung công tác trong lĩnh vực được phân công.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh chủ động giải quyết công việc được phân công, phối hợp với Phó Chủ tịch khác để giải quyết vấn đề liên quan đến Phó Chủ tịch đó; kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh những vấn đề quan trọng hoặc những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các Phó Chủ tịch.

c) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng Cạnh tranh

1. Thực hiện các công việc cụ thể theo phân công của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

2. Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Trường hợp vắng mặt phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh bằng văn bản.

3. Tham gia Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, tham gia tổ tụng hành chính theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH

Mục 1

TỔ CHỨC XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Điều 7. Tiếp nhận và bảo quản báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh

1. Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh, báo cáo Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh trong thời hạn chậm nhất là 5 (năm) ngày làm việc.

2. Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh gồm ít nhất năm thành viên của Hội đồng Cạnh tranh, trong đó có một thành viên làm Chủ tọa Phiên điều trần để giải quyết một vụ việc cạnh tranh cụ thể.

2. Quyết định về việc thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh bao gồm một số nội dung chính sau đây:

a) Thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh gồm Chủ tọa Phiên điều trần và các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh;

b) Thành viên tham dự;

c) Thư ký Phiên điều trần.

3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm chuyển báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh cho Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, thành viên tham dự và Thư ký Phiên điều trần.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, thành viên tham dự và Thư ký Phiên điều trần

1. Chủ tọa Phiên điều trần thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 81 Luật Cạnh tranh.

2. Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu vụ việc hạn chế cạnh tranh.

3. Thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm từ chối tiến hành tố tụng cạnh tranh nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 83 Luật Cạnh tranh; tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và tham dự các Phiên điều trần từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc.

4. Thành viên tham dự có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Thành viên tham dự có trách nhiệm thay thế thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh trong trường hợp quy định tại Điều 102 Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh.

6. Thư ký Phiên điều trần có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 82 Luật Cạnh tranh.

Điều 10. Hợp Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc hạn chế cạnh tranh, Chủ tọa Phiên điều trần có trách nhiệm triệu tập cuộc họp toàn thể Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh để thảo luận về nội dung của báo cáo điều tra và hồ sơ vụ việc cạnh tranh.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh không tham dự cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc thì có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản tới Chủ tọa Phiên điều trần trước cuộc họp. Ý kiến của thành viên vắng mặt phải được đọc tại cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh.

3. Nội dung kết quả cuộc họp của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh phải được ghi thành biên bản của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Thư ký Phiên điều trần có trách nhiệm ghi biên bản.

Điều 11. Quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ban hành một trong các quyết định quy định tại Khoản 2 Điều 99 Luật Cạnh tranh.

2. Quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh được thực hiện dựa trên kết quả biểu quyết của tất cả thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh theo nguyên tắc đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo phía có ý kiến của Chủ tọa Phiên điều trần.

3. Kết quả biểu quyết của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến biểu quyết của từng thành viên.

Điều 12. Tổ chức Phiên điều trần

1. Phiên điều trần được tổ chức trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày có quyết định mở Phiên điều trần. Quyết định mở Phiên điều trần phải được gửi đến các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, thành viên tham dự, Thư ký Phiên điều trần và các bên liên quan chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày diễn ra Phiên điều trần. Quyết định mở Phiên điều trần phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 102 Luật Cạnh tranh.

2. Trình tự, nội dung Phiên điều trần được thực hiện theo quy định tại Điều 104 Luật Cạnh tranh và Mục 8 Chương III Nghị định số 116/2005/NĐ-CP.

Điều 13. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

1. Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh ban hành Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trên cơ sở thảo luận kín và bỏ phiếu theo nguyên tắc đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo phía có ý kiến của Chủ tọa Phiên điều trần.

2. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh được tuyên bố tại Phiên điều trần, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 129 Nghị định số 116/2005/NĐ-CP.

3. Kết quả bỏ phiếu Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của từng thành viên.

Điều 14. Giải thích Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

Trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản về việc giải thích Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, Chủ tọa Phiên điều trần có trách nhiệm giải thích Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh. Trong trường hợp Chủ tọa Phiên điều trần không còn là thành viên Hội đồng Cạnh tranh thì Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm giải thích Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

Điều 15. Thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Thư ký Phiên điều trần, người phiên dịch, người giám định

1. Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh quyết định thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Thư ký Phiên điều trần, người giám định, người phiên dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 79 Luật Cạnh tranh.

2. Quyết định việc thay đổi thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Thư ký Phiên điều trần được thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Cạnh tranh.

Mục 2
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA
HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH

Điều 16. Tiếp nhận đơn khiếu nại

Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh tiếp nhận đơn khiếu nại Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh và Hội đồng đã xử lý vụ việc cạnh tranh đó.

Điều 17. Xem xét tính hợp lệ của đơn khiếu nại

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh phải xem xét tính hợp lệ của đơn khiếu nại theo các căn cứ quy định tại Điều 108 Luật Cạnh tranh.

2. Trường hợp đơn khiếu nại không hợp lệ, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho người khiếu nại.

3. Trường hợp đơn khiếu nại hợp lệ, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh gửi kiến nghị lên Hội đồng Cạnh tranh theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Quy chế này.

4. Trường hợp không nhất trí với ý kiến của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh về tính hợp lệ của đơn khiếu nại, bên khiếu nại có quyền bổ sung hồ sơ khiếu nại hoặc gửi đơn khiếu nại lên Hội đồng Cạnh tranh trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về tính hợp lệ của đơn khiếu nại.

Điều 18. Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh gửi kiến nghị lên Hội đồng Cạnh tranh

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh xem xét đơn khiếu nại, chuyển đơn khiếu nại kèm theo toàn bộ hồ sơ vụ việc cạnh tranh và kiến nghị của mình đối với đơn khiếu nại lên Hội đồng Cạnh tranh.

2. Trường hợp bên khiếu nại bổ sung tài liệu khiếu nại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh tiến hành xem xét theo quy định pháp luật.

Điều 19. Thủ tục giải quyết khiếu nại của Hội đồng Cạnh tranh

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ khiếu nại và kiến nghị của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh triệu tập toàn thể Hội đồng Cạnh tranh để xem xét kiến nghị của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 112 Luật Cạnh tranh.

2. Trường hợp đặc biệt phức tạp, Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh quyết định gia hạn thời hạn giải quyết khiếu nại nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày. Trường hợp gia hạn, Hội đồng Cạnh tranh phải có văn bản thông báo cho người khiếu nại biết.

3. Trường hợp bên khiếu nại bổ sung hồ sơ khiếu nại thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể được gia hạn, nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày.

4. Trường hợp Hội đồng Cạnh tranh tổ chức họp để giải quyết khiếu nại Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh thì phải có ít nhất quá nửa số thành viên tham dự.

5. Thủ tục giải quyết khiếu nại đối với các quyết định xử lý khác và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Hội đồng Cạnh tranh, Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, Chủ tọa Phiên điều trần thực hiện theo trình tự, thủ tục của pháp luật về khiếu nại.

Điều 20. Hội đồng xử lý vụ việc tiến hành giải quyết lại vụ việc cạnh tranh

1. Trường hợp Hội đồng Cạnh tranh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại yêu cầu Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh giải quyết lại vụ việc cạnh tranh theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có trách nhiệm tiếp nhận quyết định và hồ sơ giải quyết khiếu nại.

2. Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh tổ chức xử lý, giải quyết lại vụ việc cạnh tranh theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế này.

Mục 3 THAM GIA TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH

Điều 21. Chuyển hồ sơ vụ việc cạnh tranh

1. Trường hợp Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng Cạnh tranh, Hội đồng Cạnh tranh chuyển hồ sơ vụ việc cạnh tranh đến Tòa án trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án.

2. Trường hợp Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn khởi kiện các quyết định khác của Hội đồng Cạnh tranh, Hội đồng Cạnh tranh chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Điều 22. Cử đại diện tham gia tố tụng hành chính

1. Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh cử ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng Cạnh tranh đại diện cho Hội đồng Cạnh tranh tham gia tố tụng hành chính.

2. Đại diện Hội đồng Cạnh tranh tham gia tổ tụng hành chính có quyền yêu cầu tham vấn với các thành viên khác của Hội đồng Cạnh tranh và đề nghị Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh có biện pháp hỗ trợ trong quá trình tham gia tổ tụng hành chính.

Mục 4 **HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH**

Điều 23. Chế độ họp của Hội đồng Cạnh tranh

Hội đồng Cạnh tranh họp định kỳ 6 (sáu) tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 24. Theo dõi việc thi hành quyết định xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh

1. Hội đồng Cạnh tranh đóng dấu “Đề thi hành” lên Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh để cấp cho người được thi hành và người phải thi hành.

2. Hội đồng Cạnh tranh có trách nhiệm làm việc với cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hành Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh và các bên phải thi hành quyết định về kết quả thi hành quyết định của Hội đồng Cạnh tranh và theo dõi việc nộp tiền phạt.

Điều 25. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cạnh tranh

Hội đồng Cạnh tranh thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật cạnh tranh của Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Tổ chức nghiên cứu khoa học

Hội đồng Cạnh tranh thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thông qua các đề án, đề tài, khảo sát nghiên cứu khoa học.

Điều 27. Xây dựng cơ sở dữ liệu của Hội đồng Cạnh tranh

Hội đồng Cạnh tranh thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu của Hội đồng Cạnh tranh thông qua việc tổ chức thu thập, bảo quản, duy trì cơ sở dữ liệu và sử dụng tài liệu phục vụ cho quá trình hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 28. Hợp tác quốc tế về cạnh tranh

1. Hội đồng Cạnh tranh hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan cạnh tranh các nước và các cơ quan liên quan để nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm xử lý vụ việc cạnh tranh nhằm góp phần nâng cao năng lực hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh.

2. Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh đề xuất các chương trình hợp tác quốc tế, việc tham gia các sự kiện trong và ngoài nước liên quan đến cạnh tranh lên Hội đồng Cạnh tranh.

Điều 29. Chế độ báo cáo

1. Hàng năm Hội đồng Cạnh tranh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả công tác hoặc báo cáo chuyên đề liên quan theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh báo cáo Bộ Công Thương về việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 30. Quan hệ phối hợp công tác của Hội đồng Cạnh tranh

1. Hội đồng Cạnh tranh phối hợp với các Bộ, ngành và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Cạnh tranh chỉ đạo xây dựng Quy chế phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan.

Chương IV

CƠ SỞ VẬT CHẤT, KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH, CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH

Điều 31. Cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm bố trí trụ sở làm việc phục vụ cho hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh, bao gồm: Phòng làm việc, phòng họp, phòng tổ chức Phiên điều trần và các phương tiện làm việc khác phù hợp với nhiệm vụ của Hội đồng Cạnh tranh.

2. Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh lập dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh gửi Bộ Công Thương tổng hợp; thực hiện các nhiệm vụ quản lý kinh phí, tài sản, con dấu và công tác văn thư hành chính của Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Lương, phụ cấp và chế độ đãi ngộ của thành viên Hội đồng Cạnh tranh

1. Thành viên Hội đồng Cạnh tranh làm việc kiêm nhiệm hưởng chế độ kiêm nhiệm theo Quyết định số 82/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với Thành viên Hội đồng Cạnh tranh kiêm nhiệm và người tiến hành, tham gia tổ tụng cạnh tranh tại Phiên điều trần.

2. Thành viên Hội đồng Cạnh tranh làm việc chuyên trách hưởng lương và phụ cấp chức vụ theo quyết định bổ nhiệm của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 33. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tập thể, cá nhân có thành tích được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng Cạnh tranh vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.



Nguyễn Tấn Dũng